

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KONTUM
TỈNH KONTUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 02/4/2025

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con .

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K, TỈNH K**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ry Thị Mỹ Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Duy Cảnh và bà Chế Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K tham gia phiên tòa: Bà Y Hồng Vân- Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 202/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Y T, sinh năm 1992 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Plei Drop, xã Đăk Năng, thành phố K, tỉnh K.

- Bị đơn: Anh A Th, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Plei Klech, xã Ngọc Bay, thành phố K, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 01/10/2024 và tại phiên tòa nguyên đơn, chị Y T trình bày:

Chị Y T và anh A Th tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau và được UBND xã Đăk Năng, thành phố K, tỉnh K cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 31/01/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì xuất hiện mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, Th1 xuyên cãi nhau. Chị Y T và A Th đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay chị Y T không còn tình cảm với anh A Th nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết tôi được ly hôn.

Về con chung: Có 03 con chung là Y Nhi Th1, sinh ngày 28/4/2012, A Ya Th2, sinh ngày 08/9/2015 và Y Y, sinh ngày 03/5/2021. Khi ly hôn chị Y T có nguyện vọng nuôi cả ba con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Y T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về phía bị đơn anh A Th: Đã được Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:**

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX và thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng việc thụ lý vụ án về trình tự, thủ tục, thẩm quyền. Việc xác định mối quan hệ tranh chấp, tư cách những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn giải quyết, quyết định đưa vụ án ra xét xử ... Hoạt động giải quyết của Thẩm phán đảm bảo đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa: HĐXX đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do, bị đơn từ chối quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với anh A Th.

3. Quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 1 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19; Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc tranh chấp “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” của chị Y T đề ngày 01/10/2024.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Y T được ly hôn với anh A Th.

Về con chung: Giao 03 con chung là Y Nhi Th1, sinh ngày 28/4/2012, A YA Th2, sinh ngày 08/9/2015 và Y Y, sinh ngày 03/5/2021 cho chị Y T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh A Th có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung: Không có.

Về án phí: Chị Y T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Y T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn và nuôi con chung với anh A Thùng có nơi cư trú tại thành phố K, tỉnh K. Đây là tranh chấp ly hôn và nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố K theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn anh A Th, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh A Th vắng mặt không lý do. Do đó, anh A Th đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với anh A Th.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Y T và anh A Th tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau và được UBND xã Đắk Năng, thành phố K, tỉnh K cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 31/01/2012. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh A Th và chị Y T là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Y T: Chị cho rằng sau khi kết hôn chị và anh A Th chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, Th1 xuyên cãi vã nhau, hiện nay hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay.

Tại phiên tòa, chị Y T khẳng định không còn tình cảm yêu thương với anh A Th nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn. Tại biên bản xác minh ngày 06/01/2025 của Tòa án nhân dân thành phố K với ông A Đer là già làng thể hiện: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị Th1 xuyên phát sinh mâu thuẫn, hai vợ chồng chị Y T anh A Th đã sống ly thân, không còn liên lạc và quan tâm chăm sóc nhau nữa. Năm 2022 và năm 2023 hai thôn đã kết hợp với già làng, các ban ngành mặt trận để hoà giải cho vợ chồng nhưng không thành, nên đã xử cho A Th và Y T theo luật làng. Qua xác minh chính quyền địa phương nơi anh chị sinh sống thể hiện: Anh A Th và chị Y T có mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do Y T không chung thủy. Từ năm 2020 đến nay A Th và chị Y T đã sống ly thân với nhau không còn quan hệ tình cảm vợ chồng, sống mỗi người một nơi.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Y T và anh A Th đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân

không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

2.2. *Về con chung*: Có 03 con chung là Y Nhi Th1, sinh ngày 28/4/2012; A Ya Th2, sinh ngày 08/9/2015 và Y Y, sinh ngày 03/5/2021. Khi ly hôn chị Y T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung. Xét thấy, sau khi chị Y T và anh A Th sống ly thân thì con chung ở với chị Y T cho đến nay. Hơn nữa, hiện các cháu đang còn nhỏ cần có sự chăm sóc, nuôi dưỡng của mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử giao con chung cho chị Y T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị Y T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 1 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19; Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc tranh chấp “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” của chị Y T đề ngày 04/6/2024.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Y T được ly hôn với anh A Th.

Về con chung: Giao 03 con chung là Y Nhi Th1, sinh ngày 28/4/2012, A YA Th2, sinh ngày 08/9/2015 và Y Y, sinh ngày 03/5/2021 cho chị Y T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh A Th có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí**: Căn cứ Điều 144; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Th1 vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Y T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000083 ngày 17/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố KonTum. Chị Thuyền đã nộp đủ án phí.

- **Về quyền kháng cáo**: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (02/4/2025) nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- VKSND TP. K;
- Chi cục THADS TP. K;
- UBND xã Đắk Năng, TP K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ry Thị Mỹ Hoàng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

